TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 82/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2017
"V/v Ly hôn giữa chị Q và anh V"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Thanh**;
2. Ông **Nguyễn Văn Hiền**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Hồng Nhung** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy *tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Truyền** – Kiểm Sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 139/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978 (Có mặt).

HKTT: ấp M, xã L, huyện CL, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

HKTT: ấp M, xã L, huyện CL, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Trần Văn V cưới nhau năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện CL, tỉnh T. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2003 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh chị không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi. Chị và anh V đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn V.

- Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung Trần Thị N - sinh ngày 18/3/1996, Trần Thị Mỹ T – sinh ngày 04/5/1999 và Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002. Cháu N và cháu T đã trưởng thành. Chị Q tự nguyện để anh V được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002. Chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, tờ tự khai, giấy chứng nhận kết hôn, khai sinh của con chung và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Trần Văn V vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh V.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, giao con chung tên Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002 cho anh V nuôi dưỡng và chăm sóc, ghi nhận việc chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh V. Anh V có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Anh Trần Văn V vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn V.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Q yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn V. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Q với anh Trần Văn V sống chung có đăng ký kết hôn năm 1996 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về yêu cầu của đương sự: Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh V không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc từ năm 2003 nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Anh chị ly thân từ cuối năm 2003 đến nay. Chị Q yêu cầu ly hôn với anh V Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho chị Q và anh V hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[4] Về con chung: Chị Q và anh V có 03 con chung Trần Thị N - sinh ngày 18/3/1996, Trần Thị Mỹ T – sinh ngày 04/5/1999 và Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002. Cháu N và cháu T đã trưởng thành. Chị Q trình bày chị tự nguyện để anh V nuôi con, ngày 26/5/2017 cháu N1 có bản tự khai gửi đến Tòa trình bày ý kiến là cháu muốn được sống chung với cha là anh V sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị Q, giao con chung tên Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002 cho anh Trần Văn V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Q được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh V vắng mặt tại phên tòa đồng thời anh V cũng không gửi bản tự khai đến Tòa án để trình bày ý kiến của anh. Tại phiên tòa chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/ tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Q, chị Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 500.000 đồng/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi và lao động được.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q, giao con chung tên Trần Thị Yến N1 – sinh ngày 17/4/2002 cho anh V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Chị Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 500.000 đồng/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi và lao động được.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ án phí HNST và chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14302 ngày 04/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị Q còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan